

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Đã được soát xét

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 – 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004 với các nội dung sau:
 - Địa chỉ trụ sở chính: 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM;
 - Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển;
 - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND;
 - Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần
01	Bà Châu Mỹ Linh	1/30 Nguyễn Công Trứ, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	18.000
02	Bà Phạm Thị Liên	32 Hoàng Văn Thụ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	18.000
03	Ông Phan Văn Bình	157 Pasteur, P. 6, Q.3, TP. HCM	18.000
04	Bà Đặng Trần Bảo Thúy	68A Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	15.000
05	Ông Nguyễn Hoàng Thắng	229/5 Nguyễn Văn Đậu, P. 11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	15.000
06	Ông Nguyễn Thế Quân	570 Bis Bùi Đình Túy, P. 12, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	15.000
07	Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh	28/3 Huỳnh Văn Bánh, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	15.000
08	Bà Phạm Thị Hội	Thôn Minh Khai, Xã Đại Tập, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng yên	9.000
09	Ông Bùi Duy Ước	5E14, Khu phố 4, Phường Bình An, Quận 2, TP. HCM	9.000
10	Bà Phạm Thị Như Phượng	13/6 Duy Tân, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	9.000
11	Ông Nguyễn Văn Phụng	92/66 Bùi Đình Túy, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	9.000

- Người đại diện theo Pháp luật của Công ty: Ông Bùi Duy Ước – Chức Danh: Giám Đốc, Sinh ngày 15/10/1949, Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam, Số CMND: 020033621, ngày cấp: 09/5/2001, Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc sau:
 - Tăng vốn điều lệ lên: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng);
 - Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
 - Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc sau:
 - Tăng vốn điều lệ lên: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng);
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Thành Chương; Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 12/12/1977; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 230513097; Ngày cấp: 16/4/1994; Nơi cấp: CA Tỉnh Gia Lai;
 - Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y cho việc sau:
 - Tăng vốn điều lệ lên: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng);
 - Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y cho việc sau:
 - Thay đổi địa chỉ trụ sở chính: 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
 - Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y cho việc sau:
 - Bổ sung ngành nghề kinh doanh: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp;
 - Vốn điều lệ: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng); Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND; Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: 150.000 cổ phần, giá trị: 1.500.000.000 VND; Số cổ phần được quyền chào bán: 9.850.000 cổ phần;
 - Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y cho việc sau:
 - Thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. HCM;
 - Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y cho việc sau:
 - Thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh;
 - Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Quốc Hùng; Chức danh: Tổng giám đốc; Sinh ngày: 30/8/1954; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Số CMND: 020137716; Ngày cấp: 08/8/2008; Nơi cấp: CA TP. HCM; Nơi đăng ký thường trú: Số 82 Đường số 02, Khu phố 3, Phường Thảo điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh;
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).
Số lượng cổ phiếu: 10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Vốn điều lệ : 100.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Quốc Hùng	331.038	3.310.380.000	3,31
Ông Nguyễn Văn Hà	263.667	2.636.670.000	2,64
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	120.653	1.206.530.000	1,21
Ông Nguyễn Thế Quân	334.010	3.340.100.000	3,34
Ông Lý Tiến Dũng	311.996	3.119.960.000	3,12
Bà Nguyễn Mỹ Hải	229.004	2.290.040.000	2,29
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	204.654	2.046.540.000	2,05
Ông Nguyễn Trung Kiên	204.874	2.048.740.000	2,05
Ông Phùng Văn Quang	231.863	2.318.630.000	2,32
PETER ERIC DENNIS	324.492	3.244.920.000	3,24
ERIKOISSIJOTUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))	300.000	3.000.000.000	3,00
TTK GLOBAL RESOURCES PTE. LTD.	234.418	2.344.180.000	2,34
Các cổ đông khác	6.909.331	69.093.310.000	69,09
Cộng	10.000.000	100.000.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 01 Đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-08) 3943 5447

Fax : (84-08) 3943 5446

Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

Mã chứng khoán: **HMH**

Địa chỉ và trụ sở các Công ty con và Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ : Tầng 03, tòa nhà Hải Minh, km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế : 0 2 0 0 8 2 2 4 1 6

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh

Địa chỉ : Tầng 03, tòa nhà Hải Minh, km105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế : 0 2 0 1 2 4 2 4 6 4

Công ty liên kết

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 7 5 7 5

Điện thoại : (84 4) 39 33 11 99

Fax : (84 4) 39 33 19 19

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 1 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 3826 7654

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Fax : (84 – 08) 3943 5498

Mã số thuế : 0310316130

Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Mã số thuế : 0311190956

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 8 đến trang 32).

SỰ KIỆN SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN QUỐC HÙNG – Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Hải Minh bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 5 tháng 8 năm 2014, từ trang 8 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 “Công tác soát xét Báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến về công tác soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2014



VÕ THÈ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2014	Số dư 01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.149.177.476	61.581.722.829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.005.930.585	22.135.255.073
1. Tiền	111		11.505.930.585	6.135.255.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.500.000.000	16.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.500.000.000	800.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20.500.000.000	800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.866.684.444	34.533.820.562
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	24.146.734.793	22.921.252.354
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.347.238.954	3.037.711.804
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14.372.710.697	8.574.856.404
IV. Hàng tồn kho	140		1.182.693.116	399.996.127
Hàng tồn kho	141		1.182.693.116	399.996.127
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.593.869.331	3.712.651.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.383.606.137	2.384.452.050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		698.849.777	522.168.451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		97.448.774	344.190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.413.964.643	805.686.376
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		134.920.708.563	174.170.127.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		88.897.195.175	94.095.304.487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	87.777.195.175	73.277.037.997
Nguyên giá	222		126.961.404.334	118.064.244.984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.184.209.159)	(44.787.206.987)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.120.000.000	1.120.000.000
Nguyên giá	228		1.120.000.000	1.120.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	19.698.266.490
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39.806.575.949	74.217.862.972
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	32.206.575.949	67.417.862.972
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	7.600.000.000	6.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.360.865.237	3.629.673.675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.612.915.237	2.881.723.675
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	747.950.000	747.950.000
VI. Lợi thế thương mại	269		1.856.072.202	2.227.286.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		223.069.886.039	235.751.850.605

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2014	Số dư 01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.881.512.831	18.856.473.012
I. Nợ ngắn hạn	310		15.769.643.778	18.343.303.959
1. Phải trả người bán	312	V.13	7.791.547.429	13.337.634.191
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1.578.904.131	2.092.717.172
3. Phải trả người lao động	315		1.519.460.615	1.048.873.630
4. Chi phí phải trả	316		35.000.000	50.689.891
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	620.841.817	554.625.703
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.223.889.786	723.309.697
7. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		-	535.453.675
II. Nợ dài hạn	330		111.869.053,00	513.169.053,00
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		-	400.000.000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.869.053	113.169.053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		206.119.032.449	215.804.139.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	206.119.032.449	215.804.139.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	99.998.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.573.065.830)	(4.573.065.830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		733.424.655	742.424.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.745.703.936	5.574.565.936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		101.284.459.688	112.132.864.911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1.069.340.759	1.091.237.921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		223.069.886.039	235.751.850.605

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/06/2014	Số dư 01/01/2014
Ngoại tệ các loại:				
- Dollar Mỹ (USD)			-	11.012,79

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THẾ HUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

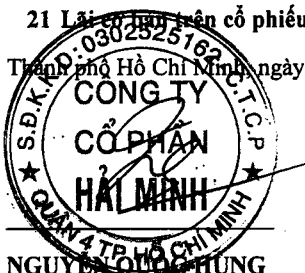
6 tháng đầu năm 2014

(Có so sánh với số liệu 6 tháng đầu năm 2013)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	42.448.309.146	58.994.561.295
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.448.309.146	58.994.561.295
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	29.032.872.588	42.285.618.709
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.415.436.558	16.708.942.586
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.466.835.153	1.438.451.962
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	24.854.962	29.687.965
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.011.305	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.5	4.486.231.538	5.215.449.355
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.371.185.211	12.902.257.228
11 Thu nhập khác	31	VI.6	20.970.673.414	1.092.023.489
12 Chi phí khác	32	VI.7	9.190.196.869	530.706.568
13 Lợi nhuận khác	40		11.780.476.545	561.316.921
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		8.064.454.132	9.449.668.865
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.216.115.888	22.913.243.014
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.8	4.898.798.570	3.502.770.371
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>25.317.317.318</u>	<u>19.410.472.643</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		106.921.436	89.898.108
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>25.210.395.882</u>	<u>19.320.574.535</u>
Trong đó				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9.784.784	9.784.784
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.576,49</u>	<u>1.974,55</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGUYỄN QUỐC HÙNG
Tổng Giám đốcNGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởngNGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		30.216.115.888	22.913.243.014
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.239.909.378	5.824.036.525
- Các khoản dự phòng	03		-	(93.000.000)
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(70.496.673)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.913.488.011)	(11.135.626.038)
- Chi phí lãi vay	06		1.011.305	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		14.543.548.560	17.438.156.828
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(3.809.851.635)	(14.752.672.810)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(782.696.989)	769.543.032
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(16.512.093.285)	10.566.323.350
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		270.366.851	(572.191.772)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.011.305)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.491.459.849)	(2.385.745.071)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		400.000.000	370.460.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.537.042.586)	(1.321.640.367)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(13.920.240.238)	10.112.233.190
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.262.960.312)	(7.723.223.103)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12.985.454.546	948.909.091
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.500.000.000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		800.000.000	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.113.953.678)	-
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		17.440.430.358	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.654.751.237	1.199.436.432
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		32.003.722.151	(5.574.877.580)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.212.806.401)	(4.892.392.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(17.212.806.401)	(4.892.392.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		870.675.512	(355.036.390)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22.135.255.073	30.466.527.868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.005.930.585	30.111.491.478

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2014

NGUYỄN QUỐC HÙNG
Tổng Giám đốcNGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởngNGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ.
- Ngành, nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp

4. Công ty con, công ty liên kết

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	25,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%
3	Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú	40,00%

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 59 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 13 của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để quy đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP.HCM).

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2013: 21.085 VND/USD

Ngày 30/06/2014: 21.300 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại Tại ngày các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các Tại ngày tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu..

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và Tại ngày giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

5. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, ký quỹ ngắn hạn và khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá một năm

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6– 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư đóng mới sản lan tự hành phục vụ cho mục đích kinh doanh chưa hoàn thành.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá hai năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

16. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 01 năm 2006. Do đó, năm 2012 Công ty không xử lý hoàn nhập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 180/2012-TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên Tãi ngày các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	<u>Tại ngày 30/6/2014</u>	<u>Tại ngày 01/01/2014</u>
Tiền mặt	2.214.627.877	1.049.926.467
Tiền gửi ngân hàng	9.291.302.708	5.085.328.606
Các khoản tương đương tiền (*)	11.500.000.000	16.000.000.000
Cộng	23.005.930.585	22.135.255.073

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 6,5%/năm tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn	20.500.000.000	800.000.000
Cộng	20.500.000.000	800.000.000

Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần và tiền cho các bên liên quan vay với lãi suất 6%-7%/năm tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu khách hàng cung cấp các dịch vụ tại các đơn vị như sau:

Công ty Cổ phần Hải Minh	10.426.877.818	11.058.831.782
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.139.500.211	4.944.704.977
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.580.356.764	6.917.715.595
Cộng	24.146.734.793	22.921.252.354

4. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	871.238.954	2.855.093.337
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	182.618.467
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	476.000.000	-
Cộng	1.347.238.954	3.037.711.804

5. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	14.089.791.866	8.365.770.257
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	24.519.071	6.703.545
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	258.399.760	202.382.602
Cộng	14.372.710.697	8.574.856.404

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	269.715.251	1.539.269.221
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	706.856.474	495.615.241
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	407.034.412	349.567.588
Cộng	1.383.606.137	2.384.452.050

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đình Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**7. Tài sản ngắn hạn khác**

Khoản nhân viên tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn tại các đơn vị như sau:

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	962.954.369	169.771.437
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	277.213.517	519.811.084
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	173.796.757	116.103.855
Cộng	1.413.964.643	805.686.376

8. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	46.986.826.725	12.752.962.894	54.646.025.248	547.178.435	3.131.251.682	118.064.244.984
Tăng trong kỳ	15.316.270.734	411.805.821	9.559.252.955	3.261.485.208	208.776.364	28.757.591.082
Giảm trong kỳ	-	-	19.826.433.732	33.998.000	-	19.860.431.732
Tại ngày 30/6/2014	62.303.097.459	13.164.768.715	44.378.844.471	3.774.665.643	3.340.028.046	126.961.404.334
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	13.157.737.828	8.495.790.316	22.518.553.391	510.750.396	104.375.056	44.787.206.987
Tăng trong kỳ	1.622.436.447	452.348.002	2.688.710.715	184.975.181	315.175.170	5.263.645.515
Giảm trong kỳ	18.180.026	-	10.808.909.206	39.554.111	-	10.866.643.343
Tại ngày 30/6/2014	14.761.994.249	8.948.138.318	14.398.354.900	656.171.466	419.550.226	39.184.209.159
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	33.829.088.897	4.257.172.578	32.127.471.857	36.428.039	3.026.876.626	73.277.037.997
Tại ngày 30/6/2014	47.541.103.210	4.216.630.397	29.980.489.571	3.118.494.177	2.920.477.820	87.777.195.175
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2014	-	-	593.070.000	125.215.073	-	718.285.073
Tại ngày 30/6/2014	-	-	593.070.000	125.215.073	-	718.285.073

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết	26.045.219.478	10.742.465.800
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	18.175.783.678	3.902.030.000
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	7.069.435.800	6.040.435.800
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	800.000.000	800.000.000
Phần (lỗ)/lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	6.161.356.471	56.675.397.172
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	6.511.686.134	56.053.436.745
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	(279.106.026)	(249.477.441)
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	(71.223.637)	71.437.868
Cộng	32.206.575.949	67.417.862.972

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đình Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Tp. Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25%	25%	18.175.783.678
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49%	49%	7.069.435.800
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40%	40%	800.000.000
Cộng					26.045.219.478

10. Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	7.600.000.000	6.800.000.000

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác mà Công ty đầu tư dưới 20% vốn điều lệ của các Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	Tp. Hồ Nội	Vận tải và xếp dỡ hàng hóa	4%	4%	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Tp. Hồ Chí Minh	Khai thác cảng biển	10%	10%	1.800.000.000
Cộng					7.600.000.000

(*) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 550.000 cổ phiếu (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 500.000 cổ phiếu).

Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	576.284.349	671.139.368
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.121.769.335	1.037.938.538
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.914.861.553	1.172.645.769
Cộng	3.612.915.237	2.881.723.675

12. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ thuê văn phòng	202.950.000	202.950.000
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	540.000.000	540.000.000
Ký quỹ taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Cộng	747.950.000	747.950.000

13. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	4.862.509.258	8.411.599.714
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	929.851.541	2.990.672.431
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.999.186.630	1.935.362.046
Cộng	7.791.547.429	13.337.634.191

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/6/2014
I Thuế phải nộp Nhà nước	1.878.955.043	8.003.023.356	8.487.363.087	1.481.455.357
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(344.190)	2.773.861.824	2.452.464.117	321.053.517
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	974.521.232	5.411.236.581	5.491.459.849	894.297.964
3. Các loại thuế khác	312.635.615	410.067.337	543.439.121	266.103.876
Thuế thu nhập cá nhân	260.015.974	602.151.838	915.196.724	(53.028.912)
Thuế nhà Thuế	66.428.980	437.872.551	451.022.211	53.279.320
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-
4. Tiền thuê đất, thuế nhà đất	199.608.600	417.140.248	350.895.380	265.853.468
II Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	1.878.955.043	8.003.023.356	8.487.363.087	1.481.455.357

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ, hàng hóa trong nước

0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.8

- Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	549.889.530	276.292.530
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	28.443.737	264.462.673
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	42.508.550	13.870.500
Cộng	620.841.817	554.625.703

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đình Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày đầu năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	1.160.000	-	-	-	-	25.210.395.882	25.210.395.882
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	1.160.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(16.745.052.872)	(16.745.052.872)
Giảm khác	-	-	-	-	1.171.138.000	(5.424.932.000)	(4.253.794.000)
Điều chỉnh do xác định lợi tỷ lệ vốn góp của công ty liên kết (do có sự biến động giám tỷ lệ vốn góp trong công ty liên kết)	-	-	-	(9.000.000)	-	(1.160.000)	(10.160.000)
Tại ngày cuối năm nay	100.000.000.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	733.424.655	6.745.703.936	101.284.459.688	206.119.032.449

(*) Vốn chủ sở hữu tăng 1.160.000 đồng tương ứng với 116 cổ phiếu là phát hành cổ phiếu thưởng năm 2012 làm giảm lợi nhuận chưa phân phối, Công ty chưa ghi nhận.

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014, trong đó có tức được chia cho các cổ đông với tỷ lệ là 17% vốn điều lệ.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng thống nhất thông qua dự kiến mức chia cổ tức năm 2014 từ 12% đến 17% vốn điều lệ bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2014			Tại ngày 01/01/2014		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	331.038	3.310.380.000	3,31%	331.038	3.310.380.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2,64%	263.667	2.636.670.000	2,64%	263.667	2.636.670.000
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	1,21%	120.653	1.206.530.000	1,21%	120.653	1.206.530.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3,34%	334.010	3.340.100.000	3,34%	334.010	3.340.100.000
Ông Lý Tiến Dũng	3,12%	311.996	3.119.960.000	3,12%	311.996	3.119.960.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,29%	229.004	2.290.040.000	2,29%	229.004	2.290.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	2,05%	204.654	2.046.540.000	2,05%	204.654	2.046.540.000
Ông Phùng Văn Quang	2,05%	204.874	2.048.740.000	2,05%	204.874	2.048.740.000
PETER ERIC DENNIS	2,32%	231.863	2.318.630.000	2,32%	231.863	2.318.630.000
ERIKOISSIJOITUSRAHASTO	3,24%	324.492	3.244.920.000	3,24%	324.492	3.244.920.000
ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS))						
TTK GLOBAL RESOURCES PTE. LTD.	3,00%	300.000	3.000.000.000	3,00%	300.000	3.000.000.000
Cổ đông khác	2,34%	234.418	2.344.180.000	2,34%	234.418	2.344.180.000
Cộng	69,09%	6.909.331	69.093.310.000	69,09%	6.909.331	69.093.310.000
	100,00%	10.000.000	100.000.000.000	100,00%	10.000.000	100.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>215.216</i>	<i>215.216</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	9.784.784
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.784.784</i>	<i>9.784.784</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	15.313.334.837	18.910.034.132
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	16.833.542.570	25.798.126.335
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	10.301.431.739	14.286.400.828
Cộng	42.448.309.146	58.994.561.295

2. Giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	11.302.016.178	12.773.103.722
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.248.938.058	19.567.461.527
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	11.809.479
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	13.481.918.352	9.933.243.981
Cộng	29.032.872.588	42.285.618.709

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.403.290.893	1.056.406.181
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	24.315.433	137.776.471
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	155.082.380
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	71.132.673
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	39.228.827	18.054.257
Cộng	1.466.835.153	1.438.451.962

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	23.843.657	29.687.965
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.011.305	-
Cộng	24.854.962	29.687.965

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	2.242.648.611	2.715.895.896
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.389.178.776	1.594.919.064
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	23.715.181
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	164.887.459
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	854.404.151	716.031.755
Cộng	4.486.231.538	5.215.449.355

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	20.676.127.959	738.438.091
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	140.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	3.585.398
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	154.545.455	350.000.000
Cộng	20.970.673.414	1.092.023.489

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	9.103.616.840	392.079.183
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	71.848.944	16.757.457
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	121.869.928
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	14.731.085	-
Cộng	9.190.196.869	530.706.568

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế	69.803.569.799	37.804.217.248
Các khoản điều chỉnh	(47.536.303.574)	192.489.666
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế.</i>	244.390.029	192.489.666
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế.</i>	(47.780.693.603)	24.469.428.659
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm	22.267.266.225	13.763.291.135
<i>Thuế suất 22%</i>	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm.	4.898.798.570	3.440.822.784
Thuế TNDN tính bổ sung cho năm 2011	-	61.947.587
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	4.898.798.570	3.502.770.371

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (Năm 2013 là 25%).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm		
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	9.784.784	9.784.784
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.784.784	9.784.784
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.210.395.882	19.320.574.535
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.576,49	1.974,55

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	12.086.503.011	10.943.462.742
Chi phí nhân viên	9.586.537.914	12.457.459.591
Chi phí khấu hao	5.287.475.032	5.833.640.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.752.028.232	24.323.330.740
Chi phí bằng tiền khác	5.325.366.736	4.943.823.643
Cộng	51.037.910.925	58.501.716.984

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động -

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Trong vòng 1 năm	2.558.664.000	2.982.384.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	6.049.008.000	7.540.200.000
Cộng	8.607.672.000	10.522.584.000

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê văn phòng và bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê văn phòng số 05/2013/HĐ ngày 25 tháng 6 năm 2013 với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 4 về việc thuê 214 m2 văn phòng làm việc tại tòa nhà Đinh Lễ tại địa chỉ số 01 Đinh Lễ, phường 12, quận 4, Tp. HCM, thời hạn 02 năm bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2013.
- Hợp đồng thuê bãi lưu container 01/2013 ngày 11 tháng 3 năm 2013 với Công ty CP SX - TM - XD Long Bình về việc thuê lại 14.826 m2 đất tại 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, quận 9, Tp. HCM với thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 4 năm 2013, đơn giá thuê là 144.000 VND/m2/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Nghiệp vụ và Tại ngày với các bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>
--	--	--

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Doanh thu dịch vụ vận tải

535.440.000

2.444.267.433

Góp vốn theo tiến độ

1.029.000.000

-

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Lợi nhuận được chia

44.562.020.002

14.739.925.200

Doanh thu giao nhận (gồm cả thu hộ SAMUDERA)

14.628.232.653

19.905.723.978

Tăng vốn từ lợi nhuận được chia

31.726.470.002

-

Giảm vốn theo thỏa thuận

17.472.832.851

-

**6 tháng đầu
năm 2014****6 tháng đầu
năm 2013*****Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú***

Doanh thu dịch vụ

201.236.363

685.027.300

Cho mượn tiền

500.000.000

-

Lãi cho vay

17.125.000

-

Chi phí nhiên liệu

1.489.582.237

-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

**Tại ngày
30/06/2014****Tại ngày
01/01/2014*****Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh***

Phải thu dịch vụ cung cấp

1.320.154.934

1.017.366.934

Phải thu khác

6.309.000

4.689.000

Vốn đầu tư

7.069.435.800

6.040.435.800

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)

Phải thu khác

2.035.804.230

3.527.854.147

Vốn đầu tư

18.175.783.678

3.902.030.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu dịch vụ đã cung cấp	993.463.100	1.393.092.900
Phải thu khác	17.125.000	-
Phải trả về hàng hóa dịch vụ đã sử dụng	326.162.360	-
Vốn đầu tư	800.000.000	800.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Lương	624.000.000	626.400.000
Cộng	624.000.000	626.400.000

3. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ Tiếp vận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa Tại ngày nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.005.930.585	22.135.255.073
Đầu tư ngắn hạn	20.500.000.000	800.000.000
Phải thu khách hàng	24.146.734.793	22.921.252.354
Các khoản phải thu khác	14.372.710.697	8.574.856.404
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	7.600.000.000	6.800.000.000
Cộng	89.625.376.075	61.231.363.831

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

	Giá trị số sách	
	Tại ngày 30/6/2014	Tại ngày 01/01/2014
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	7.791.547.429	13.337.634.191
Chi phí phải trả	35.000.000	50.689.891
Các khoản phải trả khác	620.841.817	554.625.703
Cộng	8.447.389.246	13.942.949.785

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá hối đoái và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do Công ty hoạt động kinh chính tập trung ở Bộ phận tiếp vận (vận chuyển hàng hóa, chứng từ thông quan) dịch vụ này ổn định nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là thu tiền ngay, công nợ phải thu không đáng kể, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với khoản phải thu khách hàng.

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 30/6/2014	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	7.791.547.429	-	7.791.547.429
Chi phí phải trả	35.000.000	-	35.000.000
Các khoản phải trả khác	620.841.817	-	620.841.817
Cộng	8.447.389.246	-	8.447.389.246

Tại ngày 01/1/2014	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	13.337.634.191	-	13.337.634.191
Chi phí phải trả	50.689.891	-	50.689.891
Các khoản phải trả khác	554.625.703	-	554.625.703
Cộng	13.942.949.785	-	13.942.949.785

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 30/6/2014	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.005.930.585	-	23.005.930.585
Đầu tư ngắn hạn	20.500.000.000	-	20.500.000.000
Phải thu khách hàng	24.146.734.793	-	24.146.734.793
Các khoản phải thu khác	14.372.710.697	-	14.372.710.697
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	7.600.000.000	7.600.000.000
Cộng	82.025.376.075	7.600.000.000	89.625.376.075

Tại ngày 01/1/2014	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.135.255.073	-	22.135.255.073
Đầu tư ngắn hạn	800.000.000	-	800.000.000
Phải thu khách hàng	22.921.252.354	-	22.921.252.354
Các khoản phải thu khác	8.574.856.404	-	8.574.856.404
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	6.800.000.000	6.800.000.000
Cộng	54.431.363.831	6.800.000.000	61.231.363.831

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

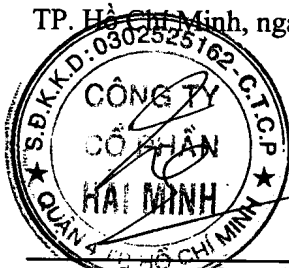
6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty được thể hiện theo số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư Vấn Đất Việt, một số chỉ tiêu được trình bày lại để đảm bảo thông tin so sánh.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2014



NGUYỄN QUỐC HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THẾ HƯNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu